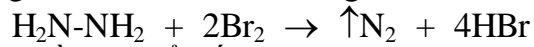


*** Phân biệt đúng/sai các câu từ 19.15 đến 19.42: (28)**

- 19.15. Bảo quản isoniazid phải tránh ánh sáng và độ ẩm cao.
19.16. Uống ethambutol .HCl kéo dài sẽ bị rối loạn thị giác.
19.17. Độ mịn bột clofazimin ít ảnh hưởng tỷ lệ hấp thu khi uống.
19.18. Uống INH kéo dài phải thường xuyên bổ sung vitamin B₆.
19.19. Điều trị phong không nên uống đồng thời nhiều loại thuốc.
19.20. Phương trình cơ bản định lượng isoniazid bằng phép đo brom:



- 19.21. Dapson bền khi để tiếp xúc lâu với ánh sáng.
19.22. Ethambutol khử CuSO₄ thành Cu₂O màu nâu đỏ.
19.23. Isoniazid kìm trực khuẩn lao bằng ức chế AND vi khuẩn.
19.24. Uống clofazimin trị phong kéo dài sẽ bị nhạt màu da.
19.25. Ngoài trị phong, dapson còn dùng điều trị sốt rét hiệu quả.
19.26. Cycloserin là kháng sinh trị lao có độc tính thấp với thần kinh.
19.27. Dùng DDS kéo dài phải định kỳ kiểm tra công thức máu.
19.28. Bệnh phong là bệnh truyền nhiễm rất dễ lây.
19.29. Chống chỉ định pyrazinamid với bệnh nhân lao bị viêm gan.
19.30. Uống isoniazid trị lao dễ bị rối loạn vận cơ.
19.31. Isoniazid khử CuSO₄ thành Cu₂O ngay ở nhiệt độ thường.
19.32. Lắc pyrazinamid với nước, thêm FeSO₄ sẽ xuất hiện màu vàng.
19.33. Kanamycin là kháng sinh macrolid có hoạt tính kháng lao.
19.34. Chống chỉ định ethambutol với trẻ em dưới 5 tuổi.
19.35. Trị lao uống isoniazid methylsulfonat vẫn cần uống vitamin B₆.
19.36. Người suy miễn dịch uống pyrazinamid trị lao không hiệu quả.
19.37. Clofazimin không bị biến màu do không khí, ánh sáng.
19.38. Uống ethionamid trị phong không cho hiệu quả.
19.39. Nhiễm HIV uống isoniazid trị lao phải tăng liều cao hơn.
19.40. Uống clofazimine khi mang thai vẫn an toàn cho bào thai.
19.41. Định lượng dapson bằng HPLC là phương pháp lựa chọn.
19.42. Isoniazid khử Ag⁺ thành Ag ngay ở nhiệt độ 20-25° C.